

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày 28 tháng 10 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V H, TỈNH SƠN LA**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Quang.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mùa A Sơn và ông Trần Đức Thọ.
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bàn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh Sơn La.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VH tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện VH, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2021, đối với bị cáo:

Trần Quang Q, tên gọi khác: Không, sinh năm 1980, tại Kh C, Hưng Yên.

Nơi cư trú: Thôn M Kh, xã Đ T, huyện Kh C, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hoá: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; đảng phái, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Quang L và bà Phạm Thị D; bị cáo có vợ là Vũ Thị T, sinh năm 1980, bị cáo có 02 con; Con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: Ngày 16/11/2016, Công an huyện Kh C, tỉnh Hưng Yên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Quang Q về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác. Chấp hành xong quyết định xử phạt ngày 24/01/2017.

Bị bắt tạm giam, tạm giữ từ ngày 28/7/2021 cho đến nay. Có mặt.

Người có QLNVLQ: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn M Kh, xã Đ T, huyện Kh C, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 25 phút, ngày 27/7/2021, tại bản C Ch, xã L L, huyện VH, tỉnh Sơn La. Tổ công tác công an xã L L, huyện VH tiến hành dừng xe máy BKS 89E1 – 676.51 do Trần Quang Q điều khiển chở phía sau Ninh Văn T, sinh năm 1999, trú tại: Xóm Ng, xã Y N, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định. Qua kiểm tra phát hiện bắt quả tang Trần Quang Q tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ trong túi áo khoác bên trái phía trước của Trần Quang Q có gói bọc bằng 02 lớp nilon màu xanh, bên trong đựng 03 cục nhựa màu đen, Q khai nhận đó là thuốc phiện. Số ma túy trên Q đã mua được của một người đàn ông dân tộc Mông không biết tên, địa chỉ tại huyện Sông Mã vào khoảng đầu tháng 6/2021 với giá 500.000 đồng, cất giấu mục đích sử dụng dần. Ngày 27/7/2021, có Ninh Văn T, là người quen thuê Q chở xe máy từ Sông Mã về Nam Định, đến địa phận huyện VH, thì bị Tổ công tác Công an xã L L phát hiện bắt giữ. Q khai nhận, việc bị cáo cất giấu trái phép chất ma túy, Ninh Văn T không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Trần Quang Q.

Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tang vật ma túy, đồng thời tạm giữ của Q 01 xe máy BKS 89E1 – 676.51; 01 căn cước công dân số 033080003035 mang tên Trần Quang Q; 01 Giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy số 065630; 02 chiếc mũ bảo hiểm đã qua sử dụng.

Ngày 28/7/2021, Cơ quan điều tra tiến hành cân tịnh, xác định khối lượng cục nhựa màu đen mà Trần Quang Q khai là thuốc phiện được 3,62 gam, lấy 1,03 gam gửi giám định, ký hiệu Q.

Kết luận giám định số 1346/KLMT ngày 29/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận "*Mẫu gửi giám định ký hiệu Q là ma túy; Loại Thuốc phiện; Khối lượng của mẫu gửi giám định là 1,03 gam; Tổng khối lượng ma túy thu giữ là 3,62 gam; Loại Thuốc phiện. Mẫu gửi giám định đã sử dụng hết trong quá trình giám định*"

Quá trình điều tra xác định được: Ninh Văn T không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Trần Quang Q. Cơ quan điều tra đã trả tự do cho Ninh Văn T.

Cáo trạng số 99/CT – VKS ngày 12/10/2021 của VKSND huyện VH, truy tố Trần Quang Q về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 1 điều 249 BLHS. Tại phiên tòa, kiểm sát viên vẫn bảo vệ nội dung Cáo trạng truy tố bị cáo, đề nghị HĐXX xem xét: Tuyên bố Trần Quang Q phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

* Áp dụng điểm b khoản 1 điều 249, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt: Trần Quang Q từ 18 đến 21 tháng tù.

+ Không phạt bổ sung đối với bị cáo; áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu để tiêu hủy: 01 phong bì còn nguyên niêm

phong bên trong đựng 2,59 gam Thuốc phiện +vỏ gói phong bì niêm phong ban đầu + vỏ gói ban đầu; 02 phong bì niêm phong bên trong đựng que thử ma túy đối với Trần Quang Q và Ninh Văn T;

+ Trả lại bị cáo 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Quang Q; 01 mũ bảo hiểm xe máy màu đen có dòng chữ Honda và 01 mũ bảo hiểm màu vàng dạng mũ lưỡi trai đều đã qua sử dụng.

+ Trả lại gia đình bị cáo, đại diện là chị Vũ Thị T 01 xe máy nhãn hiệu Honda, loại Dream, BKS 89E1 – 676.51, số khung 3842KY029837, số máy JA52E0066319 đã qua sử dụng, không kiểm tra máy móc bên trong và 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 065630.

+ Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 27/7/2021, Trần Quang Q bị phát hiện bắt quả tang tàng trữ 3,62 gam Thuốc phiện, với mục đích sử dụng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm b khoản 1 điều 249 BLHS. Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản ghi lời khai, hỏi cung, và lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa...

[2] *Tính chất hành vi của bị cáo:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, là nguyên nhân lây lan tệ nạn ma túy, phát sinh tội phạm khác. Do vậy, cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, nên được xem xét cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS.

[4] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện VH, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện VH, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. HĐXX xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Điều tra viên, Kiểm sát viên chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] *Về phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 5 điều 249 BLHS, bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Xét thấy bị cáo nghiện ma túy, không có khả năng thi hành, nên không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] *Vật chứng của vụ án*: 01 phong bì còn nguyên niêm phong bên trong đựng 2,59 gam Thuốc phiện + vỏ gói phong bì niêm phong ban đầu + vỏ gói ban đầu; 02 phong bì niêm phong bên trong đựng que thử ma túy đối với Trần Quang Q và Ninh Văn T, là những vật bị cấm lưu hành hoặc không có giá trị sử dụng, cần tuyên tịch thu để tiêu hủy.

+ 01 xe máy 01 xe máy nhãn hiệu Honda, loại Dream, BKS 89E1 – 676.51, số khung 3842KY029837, số máy JA52E0066319 đã qua sử dụng, không kiểm tra máy móc bên trong và 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 065630 là tài sản chung của gia đình bị cáo. Chị Vũ Thị T (vợ bị cáo) không biết và không liên quan đến việc phạm tội, do vậy, cần tuyên trả lại cho gia đình bị cáo, đại diện là chị Vũ Thị T.

+ 02 mũ bảo hiểm: 01 mũ bảo hiểm xe máy màu đen có dòng chữ Honda và 01 mũ bảo hiểm màu vàng dạng mũ lưỡi trai đều đã qua sử dụng, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Quang Q của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội, cần tuyên trả lại cho bị cáo;

[7] *Về nguồn gốc chất ma túy*: Người đàn ông dân tộc Mông, bị cáo không biết tên, địa chỉ đã bán ma túy cho bị cáo. Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

[8] Đối với Ninh Văn T không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Trần Quang Q. Cơ quan điều tra đã trả tự do cho Ninh Văn T là có căn cứ, được chấp nhận.

Bị cáo phạm tội, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 điều 249, điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Quang Q phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Xử phạt: 13 (Mười ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/7/2021.

Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: Áp dụng các điểm c khoản 1, khoản 2 điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu để tiêu hủy: 01 phong bì còn nguyên niêm phong bên trong đựng

2,59 gam Thuốc phiện +vỏ gói phong bì niêm phong ban đầu + vỏ gói ban đầu; 02 phong bì niêm phong bên trong đựng que thử ma túy đối với Trần Quang Q và Ninh Văn T.

+ Trả lại gia đình bị cáo, đại diện là chị Vũ Thị T 01 xe máy 01 xe máy nhãn hiệu Honda, loại Dream, BKS 89E1 – 676.51, số khung 3842KY029837, số máy JA52E0066319 đã qua sử dụng, không kiểm tra máy móc bên trong và 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 065630;

+ Trả lại bị cáo 01 mũ bảo hiểm xe máy màu đen có dòng chữ Honda và 01 mũ bảo hiểm màu vàng dạng mũ lưỡi trai đều đã qua sử dụng, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Quang Q;

Theo biên bản giao vật chứng số: 05/BBVC - CCTHA, ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VH.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có QLNVLQ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Mùa A Sơn

Trần Đức Thọ

Nguyễn Đăng Quang

Nơi nhận:

- TAT
- VKS tỉnh, huyện
- CA huyện, CQ THAHS
- THADS
- Sở TP
- Trại Giam
- Bị cáo, người có QLNVLQ
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Quang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên,

địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)